TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HS-ST
Ngày : 13/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai

2. Bà Lê Thị Thu Trà

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Cao Hưng – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

TRẦN THỊ M; sinh năm 1957 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: đường P, Phường E, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: tổ B, ấp A, khu phố A, phường P1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Đ (chết) và con bà Nguyễn Thị C (chết); Chồng: Nguyễn T (chết); Con: 04 người; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: 07/9/2023 (Có mặt)

- Bị hại:

1/Bà Trần Thị N – sinh năm 1962; Địa chỉ: đường H, phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2/Bà Châu Thị N1– sinh năm 1951; Địa chỉ: đường O, Phường I, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

3/Bà Phạm Thị D (chết năm 2014) có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1963; Địa chỉ: đường H, phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

4/Bà Hà Thị Đ1– sinh năm 1970; Địa chỉ: đường H, phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

5/Bà Hồ Thị L– sinh năm 1964; Địa chỉ: đường R, phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

TRẦN THỊ M sinh sống tại nhà địa chỉ số đường H, Phường U, quận Tân Bình, M mở nhiều dây hụi và cho vay tại khu vực chợ Phường U, quận Tân Bình. Trong giai đoạn này, M đã mượn tiền và thu tiền chơi hụi của 10 người, cụ thể như sau:

1/Từ tháng 12/2000 đến tháng 11/2001, bà Nguyễn Thị Ngọc Y nhiều lần cho Trần Thị M vay tổng số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/tháng. Ngoài ra, vào các ngày 01, 05 và 10/02/2001, bà Y đã tham gia 03 dây hụi do Trần Thị M làm chủ hụi và đóng tổng số tiền 35.000.000 đồng cho M. Bà Y chưa hốt 03 dây hụi trên thì M bỏ trốn. Tổng số tiền Trần Thị M chiếm đoạt là 105.000.000 đồng.

2/Đầu năm 2001, Bà Châu Thị N1 cho Trần Thị M vay số tiền 48.500.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, M chưa trả tiền gốc thì bỏ trốn. Ngoài ra, M còn nợ của bà N1 tổng số tiền tham gia các dây hụi do bà N1 làm chủ hụi là 16.000.000 đồng gồm:

+ Ngày 10/01/2001, Trần Thị M tham gia 01 dây hụi gồm 12 phần, đóng trong 12 kỳ, mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng, do bà N1 làm chủ hụi, M đã hốt hụi đầu kỳ được 25.050.000 đồng, đóng được 10 kỳ hụi chết với tổng số tiền 20.000.000 đồng; còn nợ 02 kỳ hụi chết số tiền 4.000.000 đồng.

+ Ngày 15/01/2001, Trần Thị M tham gia 01 dây hụi gồm 12 phần, đóng trong 12 kỳ, mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng/tháng, do bà N1 làm chủ hụi. M đã hốt đầu kỳ được 34.100.000 đồng và đóng 10 kỳ hụi chết với tổng số tiền 40.000.000 đồng; còn nợ 02 kỳ hụi chết số tiền 8.000.000 đồng.

+ Trần Thị M chơi tiếp 02 phần hụi tháng, gồm 12 phần, đóng trong 12 kỳ, mỗi tháng đóng 1.000.000 đồng, do bà N1 làm chủ hụi. M đã hốt đầu kỳ được 16.500.000 đồng và đóng 10 kỳ hụi chết với tổng số tiền 40.000.000 đồng, còn nợ 02 kỳ hụi chết số tiền 4.000.000 đồng.

Tổng số tiền Trần Thị M đã vay và nợ tiền các dây hụi trên của bà N1 là 64.500.000 đồng.

3/Vào các ngày 21/07/2001 và 25/09/2001, bà Phạm Thanh X cho Trần Thị M mượn tổng số tiền 22.000.000 đồng. Ngoài ra, bà X còn tham gia 02 dây hụi 500.000 đồng và 1.000.000 đồng do M làm chủ hụi. Bà X đã đóng 02 dây hụi với tổng số tiền 14.000.000 đồng nhưng chưa hốt hụi. Tổng số tiền Trần Thị M đã vay và nợ tiền 02 dây hụi trên của bà X là 36.000.000 đồng.

4/Ngày 17/08/2001, bà Trần Thị N cho Trần Thị M vay số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. M đã trả lãi được 03 tháng với tổng số tiền 1.260.000 đồng (mỗi tháng trả lãi 420.000 đồng), còn nợ gốc 7.000.000 đồng. Ngày 04/09/2001, bà N tiếp tục cho Trần Thị M vay tiếp số tiền 4.000.000 đồng, lãi 6%/tháng. M trả lãi được 3 tháng với tổng số tiền 720.000 đồng (mỗi tháng lãi 240.000 đồng), còn nợ gốc 4.000.000 đồng. Ngày 10/10/2001 (âm lịch), bà N cho Trần Thị M vay tiếp số tiền 2.000.000 đồng, trả lãi 12.000 đồng/ ngày. M trả lãi được 7 ngày với tổng số tiền 84.000 đồng, còn nợ gốc số tiền 2.000.000 đồng. Ngoài ra, bà N còn tham gia 02 dây hụi 500.000 đồng vào ngày 01/6/2001 (âm lịch) và 2.000.000 đồng ngày 18/9/2001 (âm lịch) do M làm chủ hụi. Bà N đã đóng 02 dây hụi tổng số tiền 12.063.000 đồng nhưng chưa hốt hụi. Tổng số tiền Trần Thị M đã vay và nhận tiền tham gia 02 dây hụi trên của bà Nlà 25.063.000 đồng.

5/Ngày 21/07/2001, bà Hồ Thị L tham gia dây hụi 500.000 đồng, gồm 13 người chơi, do M làm chủ hụi. Bà L đã đóng được 10 lần và chưa hốt hụi, số tiền M chiếm đoạt là 5.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 28/07/2001, bà L còn cho M vay số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng là 350.000 đồng, đến cuối năm 2001 trả hết tiền gốc. Ngày 05/12/2001, M mượn tiếp số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi 5%/tháng (tương đương tiền lãi 01 ngày là 200.000 đồng), M đã trả lãi được 04 ngày tổng số tiền 750.000 đồng (03 ngày trả 200.000 đồng/ngày, 01 ngày trả 150.000 đồng). Tổng số tiền Trần Thị M đã vay và nhận tiền tham gia dây hụi của bà L là 14.500.000 đồng.

6/Ngày 05/12/2001, bà Nguyễn Thị Thu H2 cho Trần Thị M vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng, hẹn tháng sau trả cả vốn và lãi. Tuy nhiên, M đã chiếm đoạt số tiền trên.

7/Ngày 11/03/2001, Trần Thị M mượn của bà Vũ Thị H3 số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi 600.000 đồng/tháng. M đã trả tiền gốc được 8.000.000 đồng, còn nợ gốc số tiền 2.000.000 đồng.

8/Ngày 25/09/2001, bà Hà Thị Đ1 cho Trần Thị M vay số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng. M đã trả tiền lãi được hai tháng là 960.000 đồng, còn nợ gốc 6.000.000 đồng.

9/Tháng 3/2001, bà Phạm Thị D cho Trần Thị M vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng đến tháng 10/2001 M trả tiền gốc cho bà D được 3.000.000 đồng, tiền gốc M còn nợ lại số tiền 1.000.000 đồng. Ngoài ra, bà D còn tham gia 01 dây hụi mỗi tháng đóng 300.000 đồng, bà D đã đóng được 8 tháng với tổng số tiền 2.400.000 đồng nhưng chưa hốt hụi. Tổng số tiền Trần Thị M đã vay và nhận tiền tham gia dây hụi trên của bà D là 3.400.000 đồng.

10/Các ngày 05, 08 và 09/12/2001, bà Nguyễn Thị N2 cho Trần Thị M và ông Nguyễn T (chồng M đã chết) mượn tổng số tiền 75.000.000 đồng, M trả góp lãi hàng ngày. Tuy nhiên, đến ngày 10/12/2001, M không trả số tiền trên. Số tiền còn nợ bà N2 là 75.000.000 đồng.

Đến tháng 12/2001, Trần Thị M bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên của các bị hại. Ngày 21/5/2002, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình ra Quyết định truy nã đối với Trần Thị M. Ngày 07/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình bắt truy nã đối với Trần Thị M.

Vật chứng vụ án: 09 Giấy mượn tiền giữa Trần Thị M với Nguyễn Thị Thu H2, Châu Thị N1, Hà Thị Đ1, Vũ Thị H3, Phạm Thanh X, Hồ Thị L, Nguyễn Thị Ngọc Y, Phạm Thị Y1, và Đoàn Thị S (bản pho to đóng dấu tài liệu lưu trữ phòng hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát CATP. Hồ Chí Minh).

Quá trình điều tra Trần Thị M khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt số tiền 343.463.000 đồng của Nguyễn Thị Ngọc Y, Châu Thị N1, Phạm Thanh X, Trần Thị N, Hồ Thị L, Nguyễn Thị Thu H2, Vũ Thị H3, Hà Thị Đ1, Phạm Thị D và Nguyễn Thị N2 rồi bỏ trốn khỏi nơi cư trú, biết mình bị truy nã nhưng không ra đầu thú.

Trách nhiệm dân sự: Bà Hồ Thị L, Hà Thị Đ1, Trần Thị N, anh Nguyễn Ngọc H1 (con bà Phạm Thị D) đã được gia đình Trần Thị M bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Trần Thị M.

Quá trình điều tra, xác minh không xác định được địa chỉ cư trú hiện nay và không làm việc được để xác định yêu cầu bồi thường đối với: bà Nguyễn Thị Thu H2– sinh năm 1962, địa chỉ Phường U, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà Nguyễn Thị Ngọc Y– sinh năm 1965, địa chỉ: xã G, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà Vũ Thị H3– sinh năm 1964, địa chỉ: đường Q, Phường U, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà Phạm Thanh X– sinh năm 1968, địa chỉ: đường F, Phường U, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà Nguyễn Thị N2– sinh năm 1948, địa chỉ: đường H, Phường U, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với số tiền 29.000.000 đồng của Phạm Thị Y1 và số tiền 15.000.000 đồng của Đoàn Thị S ghi trong đơn tố giác ngày 16/01/2002 do Trần Thị N viết đơn. Quá trình điều tra không làm việc được với bà Y1 và bà S để xác định số tiền Trần Thị M chiếm đoạt và xác định bị hại, đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Bà Trần Thị N khai được bà Y1 bà S nhờ ghi tên và số tiền vào đơn nhưng không biết sự việc, không có cơ sở xác định Trần Thị M chiếm đoạt số tiền trên của Phạm Thị Y1 và Đoàn Thị S.

Tại bản cáo trạng số 65/CT-VKS-TB ngày 14 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Trần Thị M về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát tại phần luận tội đã tóm tắt lại hành vi phạm tội của bị cáo, nêu ra các nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nêu rõ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 175 Bộ

luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị M từ 05 năm đến 06 năm tù.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, bào chữa mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã lớn tuổi, bị bệnh sức khỏe kém, hối hận việc bị cáo đã làm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Trần Thị M, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị M có hành vi thông qua việc vay mượn tiền, chơi hụi đã chiếm đoạt tổng số tiền 343.463.000 đồng của Nguyễn Thị Ngọc Y, Hồ Thị L, Nguyễn Thị Thu H2, Vũ Thị H3, Hà Thị Đ1, Phạm Thị D, Nguyễn Thị N2, Châu Thị N1, Trần Thị N, Phạm Thanh X. Hành vi do bị cáo Trần Thị M thực hiện đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng tương ứng với khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có lợi cho bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam, tư

lợi bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật, thể hiện ý thức của bị cáo là rất táo bạo. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xem xét tình tiết: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo chưa tiền án tiền sự; tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hồ Thị L, Hà Thị Đ1, Trần Thị N, Nguyễn Ngọc H1 (con bà Phạm Thị D) đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt, không có ý kiến yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, bị hại Châu Thị N1 xác nhận đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo Trần Thị M tiếp tục bồi thường số tiền 44.500.000 đồng và bị cáo đồng ý sẽ nhờ gia đình hỗ trợ trả dần. Hội đồng xét xử buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Bà Châu Thị N1 số tiền 44.500.000 đồng.

Đối với các bị hại: Phạm Thanh X, Nguyễn Thị Thu H2, Vũ Thị H3, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Ngọc Y qua xác minh không xác định được địa chỉ cư trú hiện nay, không làm việc được để xác định ý kiến, yêu cầu. Căn cứ Điều 30, khoản 2 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tách phần bồi thường dân sự để giải quyết sau theo quy định của pháp luật khi các đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do bị cáo là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 30, Điều 135, khoản 2 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Thị M phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo: Trần Thị M 05(Năm) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Thời hạn tù tính từ ngày: 07/9/2023.

[2] Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Bà Châu Thị N1 số tiền 44.500.000 (Bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự.

Tách phần bồi thường dân sự đối với bà Phạm Thanh X, bà Nguyễn Thị Thu H2, bà Vũ Thị H3, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị Ngọc Y để giải quyết sau theo quy định của pháp luật khi các đương sự có yêu cầu.

[3] Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc ngày Tòa án tống đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc Tâm